

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày: 09-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1980 tại xã ND, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm C - thôn Đ, xã ND, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hn, đã chết và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1948; vợ là Trương Thị V, sinh năm 1976, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/5/2018 đến ngày 18/5/2018 chuyển tạm giam cho đến nay.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm XT, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 10, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Chị Trương Thị V, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm C, xã ND, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm THC, xã BM, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 6, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3. Chị Cao Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 9, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Chị Trần Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 9, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Anh Nguyễn Văn Hi, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 9, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt bị cáo, anh Đ, anh Đ1, chị V; vắng mặt anh H1, chị L, chị M, chị X, anh Hi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên Trần Văn H đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 18 giờ ngày 09/5/2018, H rủ Phạm Văn H1 là công nhân làm cùng đi trộm cắp tài sản, H1 đồng ý. H lấy một ổ khóa của nhà anh Đ1 sau đó điều khiển xe mô tô BKS 18Z4-7634 chở H1 đến công trường khu tái định cư thuộc xóm 9, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu. Phát hiện có một máy trộn bê tông của anh Nguyễn Văn Đ để ở công trường nhưng không có người trông coi. H1 đứng cạnh giới còn H dùng ổ khóa tháo lấy mô tơ điện rồi cả hai đem đến bán cho chị Lê Thị L là chủ cửa hàng mua bán phế liệu ở xóm 6 xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu với giá 300.000đ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày H lại tiếp tục rủ H1 đi trộm cắp nhưng H1 không đi. H đã đi bộ ra nơi chiếc máy trộn bê tông mà trước đó H đã trộm mô tơ điện, dùng tay kéo chiếc máy đi bán lấy tiền ăn tiêu, khi đi được khoảng 50m thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ, giao cho Công an huyện Hải Hậu lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 14/5/2018 của Hội đồng định giá huyện Hải Hậu kết luận: Máy đảo bê tông (không có mô tơ) có trị giá 3.500.000đ; mô tơ điện có trị giá 1.500.000đ. Tổng giá trị tài sản là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Cáo trạng số 39/CT-VKS HH ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề

ngợi Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 03 đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc mô tô cho anh Nguyễn Văn Đ; chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7634 là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Trương Thị V, chị V không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và chị V.

- Những người tham gia tố tụng đều thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đối với bị cáo. Bị hại anh Nguyễn Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt cũng như các vấn đề khác mà vị Đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị.

- Bị cáo nói lời sau cùng thể hiện thái độ ăn năn, hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 20 giờ ngày 09/5/2018, lợi dụng sơ hở của anh Nguyễn Văn Đ, Trần Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một máy đào, trộn bê tông trị giá 5.000.000đ. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” mà tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, thể hiện việc coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý

ng nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bị cáo đã bán chiếc mô tô điện để trả cho chị L; bố đẻ bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; tại phiên tòa, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Đ đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị Trần Văn H chiếm đoạt; chị Lê Thị L đã được gia đình bị cáo H bồi thường số tiền 300.000đ đã bỏ ra mua chiếc mô tô điện, đến nay anh Đ và chị L không có yêu cầu gì về mặt dân sự. Do đó phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Chiếc mô lét là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Đ1, anh Đ1 không biết bị cáo H đã lấy dùng làm công cụ phạm tội, nên cần trả lại cho anh Đ1; chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7634 là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Trương Thị V, chị V không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và chị V là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2018.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Văn H nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ1 chiếc mô tô;
- Trả lại cho bị cáo H và chị Trương Thị V chiếc xe mô tô BKS 18Z4-7634.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Hải Hậu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã Nam Dương: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu Vp: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

VŨ VĂN ÁI